

Bàn về quyền đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa của bị can theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

11/06/2026 06:22

(LSVN) - Quyền "đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa" của bị can là một bước tiến mang tính đột phá của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS), đã mở rộng và bảo đảm thực chất quyền bào chữa của người bị buộc tội; bảo đảm trực tiếp cho nguyên tắc tranh tụng trong xét xử. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng pháp luật còn tồn tại một số khó khăn, vướng mắc và bất cập nhất định. Phạm vi bài viết, tác giả phân tích quy định pháp luật hiện hành, chỉ ra những khó khăn, vướng mắc, bất cập và đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

1. Quy định của Luật

Quyền đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa của bị can được quy định cụ thể tại điểm i khoản 2 Điều 60 BLTTHS và Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP ngày 01/02/2018 của Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân Tối cao, Bộ Quốc phòng (TTLT 02/2018). Quy định này được cấu thành bởi các yếu tố pháp lý cốt lõi, cơ bản sau:

Thứ nhất, về thời điểm phát sinh và kết thúc quyền.

Theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 60 BLTTHS, bị can có quyền: "Đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa kể từ khi kết thúc điều tra khi có yêu cầu"; khoản 3 Điều 2 TTLT 02/2018 quy định: "Bị can... được quyền đọc, ghi chép tài liệu từ sau khi kết thúc điều tra, trong giai đoạn truy tố đến trước khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử".

Như vậy, quyền này chỉ phát sinh "kể từ khi kết thúc điều tra"; điều này nhằm bảo đảm bí mật điều tra, tránh việc bị can biết trước các chứng cứ, tài liệu đang được thu thập để từ đó có hành vi thông cung, tiêu hủy chứng cứ hoặc cản trở hoạt động điều tra... Đồng thời, BLTTHS và TTLT 02/2018 chỉ quy định quyền này cho bị can, không quy định cho bị cáo, do đó quyền này sẽ kết thúc khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Thứ hai, về điều kiện thực hiện quyền.

Theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 60 BLTTHS, khoản 1 Điều 4; Điều 5 TTLT 02/2018 thì quyền này không mặc nhiên được cơ quan tố tụng cung cấp, mà chỉ

được thực hiện "khi có yêu cầu" bằng văn bản từ phía bị can, sau khi được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thông báo, giải thích cho họ biết. Nội dung văn bản yêu cầu phải nêu rõ các thông tin của bị can, địa chỉ liên lạc, điện thoại liên hệ và các tài liệu cần đọc, ghi chép để cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng xem xét, giải quyết.

Thứ ba, về phạm vi tài liệu được tiếp cận.

Bị can được quyền tiếp cận các tài liệu như: tài liệu liên quan đến việc buộc tội; tài liệu liên quan đến việc gỡ tội và các tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa. Tuy nhiên, không phải tất cả các tài liệu khi có yêu cầu của bị can cũng được đọc, ghi chép mà chỉ không chế trong phạm vi các tài liệu được quy định tại khoản 2 Điều 3 TTLT 02/2018. Cụ thể, các tài liệu liên quan đến bí mật nhà nước; bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật đời tư của cá nhân, bí mật gia đình của người tham gia tố tụng mà họ đã yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng giữ bí mật theo quy định của BLTTHS và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Các thông tin, tài liệu mà người tham gia tố tụng là người tố giác, báo tin về tội phạm đã yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng giữ bí mật; các quyết định, lệnh, văn bản tố tụng đã được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng giao cho bị can theo quy định của BLTTHS.

Có căn cứ xác định bị can thực hiện một trong các hành vi như: Mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, dữ liệu điện tử, đồ vật của vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này.

Lừa dối, đe dọa, mua chuộc, sử dụng vũ lực nhằm: Ngăn cản người làm chứng ra làm chứng hoặc buộc người khác ra làm chứng gian dối; ngăn cản người bị hại tham gia tố tụng hoặc buộc người bị hại khai báo gian dối; ngăn cản người giám định, người định giá tài sản thực hiện nhiệm vụ hoặc buộc người giám định, người định giá tài sản kết luận sai với sự thật khách quan; ngăn cản người phiên dịch, người dịch thuật thực hiện nhiệm vụ hoặc buộc người phiên dịch, người dịch thuật dịch gian dối; ngăn cản đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tham gia tố tụng. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; đe dọa, sử dụng vũ lực hoặc có hành vi khác cản trở hoạt động tố tụng của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Đã được triệu tập mà vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan và việc vắng mặt của họ gây trở ngại cho hoạt động tố tụng; ngăn cản việc cấp, giao, nhận hoặc thông báo văn bản tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; có căn cứ xác định bị can tiết lộ thông tin vụ án, bí mật điều tra mà mình biết khi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã yêu cầu giữ bí mật; sử dụng tài liệu đã được đọc, ghi chép vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích

hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; khi chưa kết thúc điều tra vụ án, vụ án đang trong giai đoạn phục hồi điều tra, điều tra bổ sung hoặc điều tra lại hoặc Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử; cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã ra quyết định đình chỉ điều tra hoặc tạm đình chỉ điều tra; đình chỉ điều tra hoặc tạm đình chỉ điều tra đối với bị can; đình chỉ vụ án hoặc tạm đình chỉ vụ án; đình chỉ vụ án hoặc tạm đình chỉ vụ án đối với bị can.

Thứ tư, về hình thức tài liệu.

BLTTHS ghi nhận hai hình thức là "bản sao tài liệu" (tài liệu giấy đã được sao chụp) và "tài liệu được số hóa" (tài liệu điện tử). Điều này hoàn toàn phù hợp với định hướng xây dựng Tòa án điện tử và số hóa hồ sơ vụ án hiện nay.

Thứ năm, cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án) đang thụ lý vụ án ở giai đoạn từ sau khi kết thúc điều tra có trách nhiệm bố trí thời gian, địa điểm và các điều kiện vật chất để bị can thực hiện quyền này.

Ngoài ra, quyền này còn liên quan đến: Nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa (Điều 16 BLTTHS); Nguyên tắc suy đoán vô tội (Điều 13 BLTTHS); Quy định về kết thúc điều tra (Điều 232 BLTTHS).

2. Khó khăn, vướng mắc và bất cập

Mặc dù mang ý nghĩa tiến bộ, nhưng quá trình tổ chức cho bị can thực hiện quyền đọc, ghi chép tài liệu trên thực tế, đặc biệt là tại các Tòa án, đang gặp phải những khó khăn, vướng mắc và bất cập sau:

Một là, còn có hạn chế, bất cập về thời điểm thực hiện quyền.

Thứ nhất, đối với cấp sơ thẩm. Quy định hiện hành chỉ cho phép bị can thực hiện quyền này sau khi kết thúc điều tra, dẫn đến việc bị can không có điều kiện tiếp cận tài liệu trong suốt quá trình điều tra, hạn chế khả năng phản bác kịp thời các chứng cứ buộc tội và làm giảm hiệu quả của quyền bào chữa. Thực tiễn trong nhiều vụ án, bị can chỉ được tiếp cận hồ sơ khi mọi chứng cứ đã được thu thập xong, dẫn đến việc không thể đề xuất điều tra bổ sung kịp thời.

Thứ hai, đối với cấp phúc thẩm. Khoản 1 Điều 330 BLTTHS quy định việc xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án đó chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị. Điều này có nghĩa là cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án chứ không phải tiếp tục xét xử vụ án. Bên cạnh đó, Điều 353 BLTTHS quy định việc bổ sung, xem xét chứng cứ, tài liệu, đồ vật bảo đảm cho xét xử phúc thẩm, nhưng không quy định cho bị cáo được quyền tiếp cận những chứng cứ, tài liệu, đồ vật này, điều này là vi phạm quyền bào chữa và tự bào chữa của bị cáo.

Ví dụ: Cấp sơ thẩm xác định bị cáo Mai Văn Đ phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Nguyễn Thị Thanh H. phạm tội "Môi giới hối lộ". Sau đó, Viện Kiểm sát quân sự Quân khu V kháng nghị đề nghị truy tố bị cáo H. với tội danh "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; bị cáo H. kháng cáo đề nghị tuyên không có tội. Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo H. yêu cầu được đọc, sao chụp các tài liệu, chứng cứ có liên quan để thực hiện quyền tự bào chữa. Tòa án căn cứ quy định nào của BLTTHS để chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của bị cáo H., bảo đảm quyền tự bào chữa của bị cáo.

Như vậy, kể từ khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị cáo chỉ được thực hiện quyền này thông qua người bào chữa quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 73 BLTTHS. Trong khi đó, không phải vụ án nào cũng buộc phải có người bào chữa và kể cả trường hợp bị cáo từ chối người bào chữa để tự bào chữa.

Hai là, các cụm từ như: “tài liệu liên quan đến việc buộc tội”, “tài liệu gỡ tội”, “tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa” chưa được định nghĩa hoặc giải thích rõ trong TTLT 02/2018, dẫn đến việc các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể tùy nghi giới hạn tài liệu cho bị can tiếp cận, phát sinh tình trạng cung cấp không đầy đủ hồ sơ.

Ba là, chưa có quy định về trình tự, thủ tục cụ thể về cơ chế kiểm soát việc từ chối cung cấp tài liệu. Khoản 2 Điều 3 TTLT 02/2018 quy định: "Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý, giải quyết vụ án phải từ chối việc cho bị can ... đọc, ghi chép tài liệu hoặc từ chối việc cho bị can ... tiếp tục đọc, ghi chép tài liệu...", nhưng chưa có quy định chi tiết trình tự, thủ tục thực hiện cơ chế kiểm soát việc từ chối cung cấp tài liệu, việc khiếu nại nếu bị can bị từ chối quyền đọc, sao chụp tài liệu và chế tài xử lý đối với hành vi hạn chế quyền này không đúng quy định pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Điều này dẫn đến việc tùy nghi (cho phép hoặc không cho phép), phụ thuộc vào ý thức chủ quan của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Bốn là, bất cập trong việc bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất và an ninh, an toàn. Đối với bị can đang bị tạm giam thì việc trích xuất bị can từ buồng giam ra khu vực riêng để đọc hồ sơ đòi hỏi phải có phòng đọc chuyên dụng, máy tính (để đọc tài liệu số hóa) và lực lượng Cảnh sát hoặc Vệ binh hỗ trợ tư pháp canh gác. Thực tế, nhiều Trại tạm giam, Nhà tạm giữ và Tòa án chưa có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu này. Đối với tài liệu số hóa thì việc giao máy tính hoặc thiết bị điện tử cho bị can tiềm ẩn nguy cơ bảo mật. Bị can có thể lợi dụng thiết bị để sao chép trái phép, can thiệp làm thay đổi dữ liệu điện tử, hoặc sử dụng máy tính để liên lạc ra bên ngoài nếu thiết bị không được quản lý, vô hiệu hóa các cổng kết nối đúng tiêu chuẩn an toàn thông tin.

3. Kiến nghị và đề xuất hoàn thiện pháp luật

Để khắc phục những hạn chế nêu trên, bảo đảm tính khả thi của pháp luật và sự chặt chẽ, khoa học trong hoạt động tư pháp, tác giả kiến nghị, đề xuất một số giải pháp sau:

Một là, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm i khoản 2 Điều 60 BLTTHS theo hướng cho phép bị can được tiếp cận một số tài liệu ngay từ giai đoạn điều tra, ít nhất là sau khi bị khởi tố hoặc sau khi có kết quả điều tra ban đầu đối với một số tài liệu mà không làm ảnh hưởng đến quá trình điều tra, xác minh sự thật khách quan của vụ án. Đồng thời cũng quy định quyền này cho bị cáo tại Điều 61 BLTTHS, để bị cáo có thể tiếp cận những tài liệu được thu thập trong giai đoạn xét xử vụ án (bao gồm xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm), để bảo đảm quyền bào chữa thực chất, kịp thời.

Hai là, bổ sung các khái niệm về “tài liệu liên quan đến việc buộc tội”, “tài liệu gỡ tội”, “tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa” và trình tự, thủ tục, cơ chế kiểm soát, trách nhiệm pháp lý đối với các trường hợp từ chối việc cho bị can thực hiện quyền trên của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quy định của TTLT 02/2018.

Ba là, tiếp tục đẩy mạnh đề án Tòa án điện tử; trang bị các phòng đọc hồ sơ chuyên dụng tại Trại tạm giam hoặc tại Trụ sở Tòa án (có lắp đặt camera giám sát). Trang bị "Máy tính dùng chung" với hệ điều hành bảo mật đặc thù: Không có kết nối internet, bị vô hiệu hóa cổng USB, chỉ cài đặt phần mềm đọc PDF nội bộ, bảo đảm bị can chỉ được "Đọc" mà không thể chỉnh sửa, sao chép hay xóa dữ liệu của hồ sơ vụ án.

Trên đây là những ý kiến, quan điểm của tác giả trong quá trình nghiên cứu, áp dụng pháp luật tại Tòa án. Rất mong nhận được những chia sẻ, đóng góp từ quý đồng nghiệp.

VÕ MINH TUẤN

Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 5.